

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **158/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 07/6/2023

*“Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình giữa
chị Lù Thị Y và anh Đặng Văn N ”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lương Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Thiết.

2. Ông Hoàng Văn Thanh.

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Kỳ Khôi - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang mở phiên toà xét xử sơ thẩm theo hình thức số hoá, công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 48/2023/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 3 năm 2023 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên toà số 22/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Lù Thị Y, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn Nắc Con 2, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

* Bị đơn: Anh Đặng Văn N, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn Nắc Con 2, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị Y có mặt tại phiên toà; anh N có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết nguyên đơn, chị Lù Thị Y trình bày: Về quan hệ hôn nhân, chị và anh Đặng Văn N chung sống với nhau có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương từ năm 2013, đến ngày 06/6/2016 đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Chị và anh N kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, không ai lừa dối ai. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được với nhau về làm ăn kinh tế, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, cuộc sống chung căng thẳng. Từ năm 2018 đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình cảm không thể hàn

gắn được, mâu thuẫn không thể hoà giải. Chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Văn N.

Về con chung: Chị Lù Thị Y xác định, chị và anh Đặng Văn N có 01 con chung, cháu Đặng Sơn T, sinh ngày 05 tháng 5 năm 2013. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai chị trình bày khi ly hôn chị đề nghị được là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tùng, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Tại văn bản trình bày ý kiến Chị Y gửi đến Toà án ngày 07/6/2023 và ý kiến của Chị Y tại phiên tòa, chị xác định chị và anh N đã nói chuyện và thống nhất thoả thuận với nhau về phần nuôi con chung, chị nhất trí khi ly hôn anh N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đặng Sơn T, chị không cấp dưỡng nuôi con chung và đi lại thăm nom con chung theo quy định.

Về tài sản, vay nợ chung: Chị Lù Thị Y xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn, anh Đặng Văn N trình bày: Anh và chị Lù Thị Y có quan hệ hôn nhân hợp pháp, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn đúng quy định. Vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, không thống nhất được với nhau về làm ăn kinh tế, nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Từ năm 2018 đến nay vợ chồng sống ly thân, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hoà giải được, anh nhất trí đề nghị Toà án giải quyết cho anh và Chị Y ly hôn.

Về con chung: Anh Đặng Văn N xác định anh và chị Lù Thị Y có 01 con chung, cháu Đặng Sơn T, sinh ngày 05 tháng 5 năm 2013. Khi ly hôn anh đề nghị được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tùng, anh không yêu cầu Chị Y cấp dưỡng nuôi con chung và Chị Y được quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định.

Về tài sản, đất đai chung; vay nợ chung: Anh Đặng Văn N xác định anh và chị Lù Thị Y không có tài sản, đất đai chung; không có vay nợ chung. Không đề nghị Toà án giải quyết về những nội dung này.

Tại văn bản ghi nhận ý kiến của con chung, cháu Đặng Sơn T, cháu Tùng trình bày cháu không có ý kiến gì về việc bố mẹ giải quyết ly hôn, nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với bố.

Toà án nhân dân huyện H có tiền hành xác minh đối với ông Lý Văn Lon, Trưởng thôn Nắc Con 2, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Kết quả xác minh thể hiện, chị Lù Thị Y và anh Đặng Văn N đều có đăng ký hộ khẩu và cư trú tại thôn Nắc Con 2, xã Y. Chị Y và anh N có quan hệ hôn nhân hợp pháp, ông Lon xác nhận các nội dung khác về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, quan hệ tài sản chung, vay nợ chung giữa anh N và Chị Y đúng với nội dung mà Chị Y và anh N đã trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình

giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 80, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Lù Thị Y được ly hôn với anh Đặng Văn N; về con chung: Giao cháu Đặng Sơn T, sinh ngày 05 tháng 5 năm 2013 cho anh Đặng Văn N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chị Lù Thị Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh N chưa yêu cầu và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Các nội dung về tài sản chung, vay nợ chung Chị Y và anh N đều xác nhận không có và không đề nghị giải quyết về những nội dung này nên đề nghị không xem xét giải quyết; chị Lù Thị Y thuộc đối tượng được miễn nộp tiền án phí theo quy định, tại phiên toà Chị Y có ý kiến xin miễn nộp tiền án phí, nên đề nghị miễn án phí ly hôn sơ thẩm đối với Chị Y; anh Đặng Văn N không phải nộp án phí; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và ý kiến của chị Lù Thị Y, ý kiến trình bày của anh Đặng Văn N, cũng như các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Lù Thị Y và anh Đặng Văn N đều có hộ khẩu thường trú tại xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Chị Y và anh N có quan hệ hôn nhân hợp pháp; Chị Y có đơn khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân huyện H giải quyết cho chị được ly hôn với anh N và các nội dung khác có liên quan. Quan hệ tranh chấp được xác định đầy đủ là Tranh chấp hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện H theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về xem xét toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lù Thị Y và anh Đặng Văn N tự nguyện kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương từ năm 2013 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, ngày 06 tháng 6 năm 2016. Cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm, từ năm 2018 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Quan hệ hôn nhân giữa Chị Y và anh N không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lù Thị Y, xử cho Chị Y được ly hôn với anh Đặng Văn N.

Về con chung: Theo ý kiến trình bày của chị Lù Thị Y, anh Đặng Văn N và các tài liệu, chứng cứ thu thập được, đủ cơ sở xác định, Chị Y và anh N có 01 con chung, cháu Đặng Sơn T, sinh ngày 05 tháng 5 năm 2013. Yêu cầu khởi kiện và bản tự khai Chị Y đều có ý kiến đề nghị được là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tùng. Tuy nhiên, đến thời điểm mở phiên toà, anh N và Chị Y đều thống nhất ý kiến, khi vợ chồng ly

hôn anh N là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, cháu Đặng Sơn T, cháu Tùng có nguyện vọng muốn được ở với anh N. Vì vậy, cần giao cháu Đặng Sơn T, là con chung của Chị Y và anh N, cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Chị Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh N chưa yêu cầu; Chị Y có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Lù Thị Y và anh Đặng Văn N đều xác định vợ chồng không có tài sản, đất đai chung; không có vay nợ chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án và tại các phiên hoà giải anh Đặng Văn N đều vắng mặt, Toà án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 12/5/2023 anh N chủ động đến Toà án làm việc, viết bản tự khai trình bày ý kiến. Sau đó anh N có đơn xin vắng mặt tại phiên toà. Như vậy, đến thời điểm xét xử vụ án anh N đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Lù Thị Y đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn.

[4] Về án phí: Chị Lù Thị Y phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định; tại phiên toà sau khi nghe giải thích về các quy định của pháp luật, Chị Y có ý kiến đề nghị được miễn nộp tiền án phí, vì Chị Y là người dân tộc thiểu số (dân tộc Nùng), thôn Nắc Con 2, xã Y, huyện H nơi chị cư trú là vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Xét đề nghị của Chị Y phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên miễn nộp tiền án phí đối với Chị Y.

Anh Đặng Văn N không phải nộp án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lù Thị Y được ly hôn với anh Đặng Văn N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 18 do Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, cấp ngày 06 tháng 6 năm 2016 cho chị Lù Thị Y và anh Đặng Văn N không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Sơn T, sinh ngày 05 tháng 5 năm 2013 cho anh Đặng Văn N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Lù Thị Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh N chưa yêu cầu; Chị Y có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn theo quy định.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm đối với chị Lù Thị Y; trả lại cho Chị Y số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005972, ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Anh Đặng Văn N không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- UBND xã Y (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thanh Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Việt Phương - Hoàng Văn Thiết

Lương Thanh Huyền

